

TAND
Q. CR
TPCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 08/2022/QĐST-HNGĐ

CR, ngày 21 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ông **PVT**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 913, Tổ 14, khu vực 2, phường HP, quận CR, thành phố CT.

Bị đơn: Bà **NTP**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Số 913, Tổ 14, khu vực 2, phường HP, quận CR, thành phố CT.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông PVT và bà NTP.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Thống nhất ông PVT và bà NTP thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 cháu là PHQ (nam), sinh ngày 02/11/2012. Thống nhất để bị đơn được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q đến khi đủ 18 tuổi, không đặt

vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

- *Về tài sản chung*: Cả hai tự thỏa thuận trước khi hòa giải và yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung là căn nhà liên kế một trệt, một lửng, một lầu có tổng diện tích sàn là 125m² (trong đó: diện tích đất là 4x15,9 = 63,6m²) vào năm 2011 mua với giá là 570.035.000đồng, tọa lạc tại số Q29, đường số 5, khu dân cư Công ty 8, khu vực 2, phường HT, quận CR, thành phố CT theo hợp đồng mua bán nhà số Q29/ER/HPCT-HĐMBN ngày 30/11/2009. Nay ông T và bà P tự thỏa thuận và thống nhất giá trị căn nhà này là 1.600.000.000đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng). Nguyên đơn – ông PVT đồng ý chia phân nửa giá trị căn nhà với số tiền là 800.000.000đồng (tám trăm triệu đồng) cho bị đơn – bà NTP. Sau khi bà NTP đã nhận đủ số tiền 800.000.000đồng (tám trăm triệu đồng) thì không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến căn nhà và đất tọa lạc tại số Q29, đường số 5, khu dân cư Công ty 8, khu vực 2, phường HT, quận CR, thành phố CT theo hợp đồng mua bán nhà số Q29/ER/HPCT-HĐMBN ngày 30/11/2009. Ông PVT được toàn quyền định đoạt tài sản này. Thống nhất tất cả tài sản còn lại vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia nên không ai tranh chấp hay có khiếu nại gì về sau.

- *Về nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về án phí*: Nguyên đơn tự nguyện chịu 150.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000đồng theo biên lai số 0008114 ngày 29/11/2021. Nguyên đơn được nhận lại 150.000đồng tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR. Không ai phải chịu án phí chia tài sản.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND Q.CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kim Xuân